

KẾ HOẠCH

Chuẩn hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính liên thông và dịch vụ công trực tuyến

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định các thủ tục hành chính (TTHC) liên thông và xây dựng quy trình liên thông cho các thủ tục để thực hiện thống nhất.
- Xác định các điều kiện cụ thể của từng TTHC để cắt giảm thời gian giải quyết cho phù hợp với quy trình, điều kiện thực hiện.
- Lựa chọn TTHC có thể cung cấp dịch vụ công trực tuyến và xây dựng quy trình, cách thức thực hiện và lộ trình áp dụng.
- Thiết lập quy trình kiểm soát quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị có liên quan; xác định TTHC đơn giản và đề xuất giải pháp giải quyết và trả kết quả ngay.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát TTHC phải được phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực có phát sinh TTHC của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.
- Quá trình thực hiện phải đảm bảo đúng thời gian, tính đầy đủ, chính xác và đúng nội dung, không bỏ sót lĩnh vực có phát sinh TTHC đã và đang thực hiện.
- Việc rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC phải được xem xét cụ thể, chi tiết, kỹ lưỡng về tính cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp, điều kiện, khả năng giải quyết đối với từng TTHC của từng cơ quan đảm bảo chất lượng.
- Việc xây dựng quy trình liên thông phải xem xét đầy đủ về thành phần hồ sơ, tiêu chuẩn hồ sơ, số lượng hồ sơ; cách thức thực hiện; thành phần, tiêu chuẩn, số lượng hồ sơ kết quả giải quyết ở từng bước liên thông giữa các cơ quan tham gia.
- Xác định TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến phải xem xét đến nghiệp vụ tiếp nhận và giải quyết, tính chất của từng thủ tục, cách thức kiểm soát hồ sơ trực tuyến phù hợp với điều kiện công nghệ và khả năng đáp ứng của cơ quan.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Xây dựng quy trình liên thông				
1	<p>Đối tượng rà soát, lập Danh mục: Các TTHC đang còn hiệu lực thi hành có từ 2 cơ quan tham gia giải quyết trở lên. Nội dung thực hiện: Các cơ quan chủ trì giải quyết tiến hành rà soát toàn bộ các TTHC có sự tham gia giải quyết của nhiều cơ quan (từ hai cơ quan trở lên) để xác định danh mục TTHC liên thông (số lượng cơ quan tham gia giải quyết đã được quy định trong nội dung của TTHC) và tiến hành xem xét về vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan tham gia trong từng thủ tục, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào các điều kiện cụ thể phần đầu cắt giảm trên 30% thời gian giải quyết so với quy định tại các Quyết định công bố TTHC, trường hợp không thể cắt giảm phải nêu rõ lý do. - Xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp giải quyết; - Xác định thời gian của các cơ quan (dự kiến thời gian cắt giảm chung từng TTHC, thời gian cắt giảm của mỗi cơ quan tham gia thực hiện TTHC); - Xác định số lượng, thành phần, tiêu chuẩn hồ sơ (bản số hay bản giấy, bản chính hay bản sao...) gửi cho các cơ quan phối hợp; 	Các Sở, ban, ngành được giao chủ trì nêu trong nội dung từng thủ tục hành chính theo lĩnh vực ngành quản lý	Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết TTHC liên thông.	26/3/2018	Dự thảo Quy trình liên thông (bao gồm dự kiến thời gian cắt giảm chung từng TTHC, thời gian cắt giảm của mỗi cơ quan tham gia thực hiện TTHC)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định cách thức luân chuyển, giao nhận hồ sơ giữa các cơ quan tương ứng với từng loại thành phần hồ sơ. - Xác định kết quả nhận lại từ các cơ quan phối hợp. - Xác định kết quả trả cho tổ chức, cá nhân (khách hàng). (Có phụ lục số 01, 02 kèm theo).				
2	Tổ chức lấy ý kiến thống nhất Quy trình liên thông, thời gian cắt giảm chung và thời gian cắt giảm tại mỗi cơ quan liên quan đối với từng TTHC liên thông.	Các Sở, ban, ngành được giao chủ trì nêu trong nội dung từng thủ tục hành chính theo lĩnh vực ngành quản lý	Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết TTHC liên thông.	13/4/2018	Quy trình liên thông (bao gồm dự kiến thời gian cắt giảm chung từng TTHC, thời gian cắt giảm của mỗi cơ quan tham gia thực hiện TTHC)
3	Hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy trình TTHC liên thông bao gồm: Tờ trình; Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết TTHC liên thông; dự thảo Quyết định phê duyệt (theo mẫu) và Quy trình TTHC liên thông gửi về Văn phòng UBND tỉnh (qua Phòng KSTHC, địa chỉ hòm thư: ksthc.vpubnd@hagiang.gov.vn)	Các Sở, ban, ngành được giao chủ trì nêu trong nội dung từng thủ tục hành chính theo lĩnh vực ngành quản lý	Văn phòng UBND tỉnh	20/4/2018	Dự thảo Quyết định phê duyệt và Quy trình liên thông, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
4	Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy trình	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban,	25/4/2018	Quyết định phê

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TTHC liên thông		ngành được giao chủ trì nêu trong nội dung từng TTHC theo lĩnh vực ngành quản lý		duyet Quy trình liên thông, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
II	Cắt giảm thời gian đối với các TTHC không liên thông				
1	<p>Đối tượng rà soát, lập Danh mục TTHC: Các TTHC đang còn hiệu lực thi hành do một cơ quan giải quyết.</p> <p>Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào các điều kiện cụ thể phân đầu cắt giảm trên 30% thời gian giải quyết so với quy định tại các Quyết định công bố TTHC, trường hợp không thể cắt giảm phải nêu rõ lý do. - Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực ngành quản lý thực hiện dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết cho từng TTHC của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (TTHC không liên thông) thống nhất chung trên địa bàn toàn tỉnh (Có phụ lục số 03 kèm theo) 	Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực ngành quản lý	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	26/3/2018	Dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, cấp xã
2	Tổ chức lấy ý kiến danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC (không liên thông) thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện, cấp xã	Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực ngành quản lý	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	13/4/2018	Dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện, cấp xã
3	Hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, huyện, cấp xã bao gồm: Tờ trình; Báo cáo tổng hợp ý kiến của UBND cấp huyện; dự thảo Danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gửi về Văn phòng UBND tỉnh (qua Phòng KSTTHC, địa chỉ hòm thư: kstthc.vpubnd@hagiang.gov.vn)	Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực ngành quản lý	Văn phòng UBND tỉnh	20/4/2018	Dự thảo danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
4	Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực ngành quản lý	25/4/2018	Quyết định phê duyệt Danh mục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC không liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
III	Rà soát TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4				
1	<p>Đối tượng rà soát: TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã đang còn hiệu lực.</p> <p>Nội dung thực hiện: Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã lựa chọn TTHC đã được chuẩn hóa và phù hợp với yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với TTHC đạt tiêu chí. Đối với TTHC không phù hợp các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã cần có giải pháp khắc phục để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Phân đầu 100% các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 2, 80% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3, 30 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2018 (Có phụ lục số 4 kèm theo).</p>	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Thông tin – Công báo)	16/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo, hướng dẫn thực hiện tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; - Các tổ chức, cá nhân thực hiện được việc giao dịch giải quyết TTHC trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 do cơ quan, đơn vị cung cấp.
2	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập danh mục TTHC triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (tên TTHC, cấp độ thực hiện) gửi Văn phòng UBND tỉnh (qua Phòng KSTTHC, địa	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	31/8/2018	Quyết định ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Chỉ Hòm thư: ndmanh.vpubnd@hagiang.gov.vn) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.				mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Hà Giang năm 2018.
IV	Rà soát, xác định và lập Danh mục TTHC đơn giản giải quyết và trả kết quả ngay cho cá nhân và tổ chức				
	<p>Đối tượng rà soát, lập Danh mục: TTHC không liên thông có thành phần hồ sơ và thủ tục giải quyết đơn giản; có thể kiểm tra, đối chiếu xác định được ngay.</p> <p>Nội dung thực hiện: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã lập Danh mục TTHC đơn giản và có văn bản giao công chức trực tại Trung tâm Hành chính công/Bộ phận một cửa giải quyết và trả kết quả ngay. Đồng thời quy định phương pháp, cách thức thực hiện; trách nhiệm của công chức được giao giải quyết TTHC; trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình thực hiện... đảm bảo chặt chẽ, phù hợp, không để tiêu cực phát sinh. Thông báo danh mục TTHC giao công chức giải quyết ngay gửi về Văn phòng UBND tỉnh (qua Phòng KSTTHC, địa chỉ Hòm thư: ndmanh.vpubnd@hagiang.gov.vn) để theo dõi và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.</p>	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và UBND cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	25/4/2018	Văn bản giao nhiệm vụ và quy định phương pháp, cách thức thực hiện; trách nhiệm của công chức được giao giải quyết TTHC. Thông báo danh mục TTHC giao công chức giải quyết ngay tại Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Một cửa.

III. TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm

- Cụ thể hóa thành các văn bản chỉ đạo và quán triệt nội dung Kế hoạch này đến các cán bộ, công chức và các đơn vị trực thuộc có liên quan.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hiệu quả, tiến độ thời gian thực hiện đã nêu trong Kế hoạch.

- Phân công trách nhiệm các đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, cán bộ đầu mối của đơn vị mình tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng, đúng thời gian, tiến độ của Kế hoạch đề ra.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm

- Chủ trì, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch và báo cáo UBND tỉnh về kết quả rà soát theo tiến độ của Kế hoạch.

- Hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác rà soát để thống nhất phương thức và cách thức thực hiện.

- Giải đáp những thắc mắc về chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp khi có nhu cầu.

3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định về mức chi đảm bảo cho hoạt động Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã được phân bổ cho các đơn vị.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Công báo;
- Lưu: VT, KSTTHC *my*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC 01

Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018)

TT	Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
			Kỹ thuật công nghệ	Sửa đổi văn bản QPPL
1	Có đủ nguồn nhân lực để giải quyết TTHC	Nguồn nhân lực không đáp ứng được việc giải quyết TTHC (số lượng cán bộ, trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thiết bị...)	Bổ trí đủ số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm thực hiện giải quyết đối với TTHC có số lượng giao dịch lớn, quy trình xử lý phức tạp.	
2	<p>TTHC được tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử và đã thực hiện xây dựng quy trình liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan, đơn vị đối với TTHC liên thông.</p> <p>Thành phần hồ sơ TTHC không yêu cầu bản chính khi thực hiện liên thông giữa các cấp.</p>	<p>Chưa thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử và chưa thực hiện xây dựng quy trình liên thông giải quyết TTHC giữa các cơ quan, đơn vị đối với TTHC liên thông.</p> <p>Thành phần hồ sơ TTHC yêu cầu bản chính khi thực hiện liên thông giữa các cấp.</p>	<p>- Rà soát TTHC, thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết trên phần mềm Hệ thống một cửa điện tử.</p> <p>- Cơ quan, đơn vị chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy chế phối hợp, trong đó: Quy định rõ trách nhiệm; có lưu đồ quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC nội bộ, liên thông giữa các cấp, các ngành; nội dung các bước; thời gian giải quyết TTHC liên thông.</p>	Cần xây dựng văn bản quy định rõ trách nhiệm cơ quan tiếp nhận trong việc xác minh, lưu trữ giấy tờ gốc.
3	<p>Hồ sơ, giấy tờ đơn giản.</p> <p>Không yêu cầu phối hợp xử lý; điều tra xác minh phức tạp và đã kết nối, chia sẻ thông tin trong xử lý.</p>	<p>Thành phần hồ sơ, giấy tờ phức tạp.</p> <p>Yêu cầu nhiều cơ quan, đơn vị phối hợp xử lý, có yêu cầu điều tra xác minh.</p> <p>Không có kết nối, chia sẻ thông tin trong xử lý.</p>	Xây dựng quy chế phối hợp và kết nối hệ thống dữ liệu, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị.	<p>Rà soát, kiến nghị sửa đổi văn bản QPPL quy định TTHC loại bỏ hồ sơ, giấy tờ không cần thiết.</p> <p>Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu để</p>

TT	Điều kiện đáp ứng cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
			Kỹ thuật công nghệ	Sửa đổi văn bản QPPL
				giảm hoặc bỏ việc kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC.
4	Đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Chưa có cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan	
5	TTHC đã phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị	TTHC chưa phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị		Kiến nghị sửa đổi VBQPPL quy định TTHC: phân định rõ các bước thực hiện, quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

Số: /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình liên thông, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình liên thông, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*kèm theo Danh mục*)

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Hà Giang;
- Lưu: VT, KSTTHC;

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 02

Quy trình liên thông, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH

A. Lĩnh vực: Việc làm

1. Tên TTHC: Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

2.1. Thời gian giải quyết: Theo quy định 15 ngày làm việc, cắt giảm 4 ngày, thực hiện 11 ngày làm việc.

2.2. Trách nhiệm giải quyết

Bước 1: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ (tại Trung tâm hành chính công tỉnh).

- Danh mục thành phần hồ sơ nhận tại Trung tâm hành chính công của khách hàng.

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
01	- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép của doanh nghiệp;	Bản gốc	01	
02	- Giấy phép bị hư hỏng hoặc bản sao các giấy tờ chứng minh việc thay đổi một trong các nội dung của giấy phép.	Bản chính hoặc bản sao	01	

Số lượng hồ sơ nhận tại Trung tâm hành chính công của khách hàng: 01 bộ

Thực hiện thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

- Danh mục hồ sơ sau thụ lý và kèm hồ sơ đã thu tại Trung tâm hành chính công trình UBND.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình	Bản chính (hoặc Ký số)	01	
2	Dự thảo Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cấp lại	Bản dự thảo	01	
3	Hồ sơ đã thu tại Trung tâm hành chính công	Bản chính hoặc bản scan	01	

Số lượng hồ sơ cần gửi tới UBND tỉnh (tại Bộ phận Một cửa của VPUBND tỉnh): 01 bộ

Bước 2: UBND tỉnh xem xét, quyết định và trả kết quả cho Sở Lao động – TBXH (tại Bộ phận Một cửa của VPUBND tỉnh): 06 ngày làm việc.

Kết quả giải quyết tại UBND tỉnh:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cấp lại	Bản chính	02	
2			

Bước 3: Sở Lao động – TBXH gửi kết quả cho doanh nghiệp (tại Trung tâm hành chính công tỉnh).

B. Lĩnh vực: Người có công

1. Tên TTHC: Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến

1.1. Thời gian giải quyết: theo quy định là 28 ngày làm việc, cắt giảm 3 ngày, thực hiện 25 ngày làm việc.

1.2. Trách nhiệm giải quyết:

Bước 1: Đối tượng TNXP hoặc thân nhân của TNXP (trường hợp TNXP đã từ trần) (gọi chung là khách hàng) thực hiện nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ (tại Bộ phận Một cửa xã).

- Danh mục thành phần hồ sơ nhận tại Bộ phận Một cửa của khách hàng.

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
01	Bản khai cá nhân;	Bản gốc	01	
02	Một trong các giấy tờ chứng minh là TNXP	Bản chính hoặc bản sao có chứng thực	01	

Số lượng hồ sơ thu tại Bộ phận Một cửa của khách hàng: 01 bộ

Bước 2: UBND cấp xã tổ chức Hội nghị và lập biên bản xác nhận hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp, tổng hợp trình UBND huyện gửi qua Phòng Nội vụ: 5 ngày làm việc.

- Danh mục hồ sơ sau khi thụ lý và kèm theo hồ sơ đã thu tại Bộ phận Một cửa xã trình Phòng Nội vụ.

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình/Công văn	Bản gốc	01	
2	Biên bản xác nhận hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp	Bản gốc	01	
3	Hồ sơ đã thu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa xã	Bản gốc	01	

Số lượng hồ sơ cần gửi Phòng Nội vụ (tại Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Một cửa cấp huyện): 01 bộ

Bước 3: Phòng Nội vụ kiểm tra hồ sơ và tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện, trình Sở Nội vụ: 5 ngày làm việc

- Danh mục hồ sơ sau khi thụ lý và kèm theo hồ sơ đã thu tại (tại Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Một cửa cấp huyện) trình UBND tỉnh qua Sở Nội vụ

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình/Công văn	Bản gốc	01	
2	Hồ sơ đã thu tại Trung tâm hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Bản gốc	01	

Số lượng hồ sơ cần gửi Sở Nội vụ (tại Trung tâm Hành chính công tỉnh): 01 bộ

Bước 4: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – TBXH tổ chức Hội xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, trình UBND tỉnh ra Quyết định hưởng trợ cấp: 6 ngày làm việc (Đối với công tác phối hợp nếu thực hiện bằng hình thức đơn vị chủ trì xin ý kiến đơn vị phối hợp bằng văn bản thì xây dựng quy trình liên thông từ Sở Nội vụ sang Sở Lao động – TBXH và chiều ngược lại).

Danh mục hồ sơ sau khi thụ lý kèm theo hồ sơ đã thu tại (Trung tâm hành chính công tỉnh) trình UBND tỉnh

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình/Công văn (kèm theo danh sách)	Bản gốc	01	
2	Biên bản thẩm định	Bản gốc hoặc scan	01	
3	Hồ sơ đã thu tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Bản gốc	01	

Số lượng hồ sơ cần gửi UBND tỉnh (tại Bộ phận Một cửa của VPUBND tỉnh): 01 bộ

Bước 6: UBND tỉnh xem xét, quyết định và chuyển kết quả cho Sở Nội vụ ((tại Bộ phận Một cửa của VPUBND tỉnh)): 3 ngày làm việc

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định trợ cấp một lần	Bản gốc	04	

Bước 7: Sở Nội vụ chuyển quyết định kèm theo hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp của đối tượng cho Sở Lao động – TBXH quản lý (tại Trung tâm Hành chính công tỉnh): 1 ngày làm việc

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
-------	----------------	------------	----------	---------

1	Quyết định trợ cấp một lần	Bản gốc	03	
2	Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp của đối tượng	Bản gốc	01	

Bước 8: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hoàn thành việc tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng trợ cấp một lần, kèm theo công văn đề nghị bổ sung dự toán chi chế độ trợ cấp một lần về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đồng thời làm thủ tục chuyển danh sách và Quyết định cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chi trả trợ cấp một lần (tại Trung tâm Hành chính công tỉnh): 3 ngày làm việc

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định trợ cấp một lần	Bản gốc	01	

Bước 9: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội gửi kết quả UBND cấp xã (Trung tâm Hành chính công/Bộ phận Một cửa cấp huyện): 02 ngày làm việc.

Số TT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định trợ cấp một lần	Bản gốc	01	

Bước 10: UBND cấp xã gửi trả kết quả cho đối tượng làm hồ sơ (Bộ phận Một cửa xã).

* **Ghi chú:** - Phần chữ in nghiêng là ví dụ để làm mẫu.

- Để thực hiện liên thông trên phần mềm Một cửa điện tử đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa hồ sơ dưới dạng điện tử để văn bản trao đổi giữa các cấp, giữa các cơ quan, đơn vị là bản scan hoặc bản chữ ký số.

2. Tên TTHC:

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN

A. Lĩnh vực:

1. Tên TTHC:.....

1.1. Thời gian giải quyết:.....

1.2. Trách nhiệm giải quyết.....

- Phòng (Ban).....:

- Phòng

- Xã/phường/thị trấn.....

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ

A. Lĩnh vực:

1. Tên TTHC:.....

1.1. Thời gian giải quyết:.....

1.2. Trách nhiệm giải quyết.....

- Xã/phường/thị trấn.....

- Phòng (Ban).....:

- Phòng

PHỤ LỤC 03

Danh mục TTHC không liên thông cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2018)

STT	Tên TTHC	Tổng thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian cắt giảm (.../ngày, đạt tỷ lệ.. %)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Đơn vị trực tiếp giải quyết	Ghi chú (lý do TTHC không cắt giảm thời gian)
A	TTHC CẤP TỈNH					
I.	Lĩnh vực					
1	Thủ tục A					
.....	Thủ tục n					
II.	Lĩnh vực					
1	Thủ tục C					
....	Thủ tục n					
B	TTHC CẤP HUYỆN					
I.	Lĩnh vực					
1	Thủ tục A					
.....						
C	TTHC CẤP XÃ					
I.	Lĩnh vực					
1	Thủ tục A					
...						

PHỤ LỤC 04

Điều kiện thủ tục hành chính phù hợp với yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến các mức độ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2018)

TT	Mức độ	Tiêu chí đánh giá, phân loại Dịch vụ công trực tuyến	Loại TTHC không phù hợp	Giải pháp khắc phục trường hợp TTHC không phù hợp	
				Kỹ thuật, công nghệ	Sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2	Cung cấp đầy đủ các thông tin về TTHC trên mạng	TTHC chưa được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	Ban hành Quyết định công bố danh mục TTHC, công bố TTHC theo thẩm quyền. Công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	
		Tải được các mẫu văn bản	TTHC chưa được công bố, công khai hoặc chưa đăng tải mẫu văn bản kèm theo TTHC đã công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan.	Thực hiện công bố, công khai TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan theo đúng quy định	
2	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Việc gửi hồ sơ qua môi trường mạng	TTHC mà thành phần hồ sơ có dung lượng lớn hơn mức dung lượng cho phép của hệ thống	Thực hiện các giải pháp kỹ thuật để mở rộng dung lượng tải dữ liệu điện tử của hồ sơ TTHC lên hệ thống. Tích hợp với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan	
		Điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản, hồ sơ	TTHC có thành phần hồ sơ như sau: Biểu mẫu phải yêu cầu xác nhận của bên thứ 3. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải kiểm tra, đối chiếu trực tiếp. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực	Thực hiện chữ ký số; giấy phép, chứng từ điện tử, công chứng, chứng thực điện tử. Cho phép khai báo thông tin và thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ khi nhận kết quả trực tiếp.	

		<p>tiếp hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan, cá nhân thụ lý hồ sơ. Ví dụ: công chứng hợp đồng... Hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng điện tử. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu bản chính do cơ quan, đơn vị thứ 3 cấp.</p>		
	<p>Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng</p>	<p>Những TTHC yêu cầu cá nhân phải có mặt để xác thực về đối tượng thực hiện. Ví dụ: Thủ tục Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) thực hiện tại cấp tỉnh (mã thủ tục B-BCA-153529-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT mức độ 3 vị khoản 1, Điều 6, Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định công dân có nghĩa vụ phải đến cơ quan công an làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân để chụp ảnh, in vân tay...).</p> <p>Những TTHC bắt buộc phải tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu điều kiện của TTHC. Ví dụ: Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp (mã thủ tục B-BLD-286297-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT vì TTHC quy định trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được</p>	<p>Liên thông, kết nối các phần mềm dịch vụ công của cơ quan nhà nước theo Kiến trúc Chính phủ điện tử để tạo môi trường xử lý hồ sơ trực tuyến</p>	<p>Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu để giảm hoặc bỏ việc kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC. Bãi bỏ các quy định này hoặc sửa đổi thay thế bằng các hình thức khác, ví dụ: Bỏ quy định phải có mặt để kiểm tra, xác thực; thực hiện công nhận lẫn nhau để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu...</p>

			hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra trên thực tế khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định, lập báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 13 Nghị định số 48/2015/NĐ-CP xem xét, quyết định.		
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Hồ sơ được gửi qua môi trường mạng	TTHC mà thành phần hồ sơ có dung lượng lớn hơn mức dung lượng cho phép của hệ thống	Thực hiện các giải pháp kỹ thuật để mở rộng dung lượng tài dữ liệu điện tử của hồ sơ TTHC lên hệ thống Tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan.	
		Điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản, hồ sơ	TTHC có thành phần hồ sơ như sau: Biểu mẫu phải yêu cầu xác nhận của bên thứ 3. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải kiểm tra, đối chiếu trực tiếp. Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu bản chính do cơ quan, đơn vị thứ 3 cấp.	Thực hiện chữ ký số; giấy phép, chứng từ điện tử. Cho phép thực hiện công chứng, chứng thực điện tử.	
			Hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực tiếp hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan, đơn vị, cá nhân thụ lý hồ sơ. Ví dụ: Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo...Chưa đáp ứng yêu cầu vì quy định trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch Công		Bãi bỏ hoặc thay đổi hình thức đối với trường hợp hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải ký trực tiếp, hoặc hoàn thành trước sự chứng kiến của cơ quan đơn vị, cá nhân thụ lý hồ sơ và loại hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng.

		<p>chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ quy định tại khoản 1, Điều 40 Luật công chứng để đối chiếu trước khi lời chứng, ký vào từng trang của HĐ, giao dịch.</p> <p>Hồ sơ, giấy tờ không được phép gửi qua mạng điện tử.</p> <p>Ví dụ: Thủ tục hành chính có hồ sơ, giấy tờ là tài liệu mật</p>		
	<p>Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng</p>	<p>Những TTHC yêu cầu cá nhân phải có mặt để xác thực về đối tượng thực hiện.</p> <p>Ví dụ: Thủ tục Cấp Chứng minh nhân dân (9 số) thực hiện tại cấp tỉnh (mã thủ tục B-BCA-153529-TT Chưa đáp ứng yêu cầu để triển khai DVCTT mức độ 3 vì khoản 1, Điều 6, Nghị định số 05/1999/NĐ-CP quy định công dân có nghĩa vụ phải đến cơ quan công an làm thủ tục cấp Chứng minh nhân dân để chụp ảnh, in vân tay...)</p> <p>Những TTHC bắt buộc phải tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu điều kiện của TTHC</p>	<p>Liên thông, kết nối các phần mềm dịch vụ công của cơ quan nhà nước theo Kiến trúc Chính phủ điện tử để tạo môi trường xử lý hồ sơ trực tuyến.</p>	<p>Xã hội hóa công tác kiểm tra hoặc tích hợp dữ liệu với các Hệ thống cơ sở dữ liệu để giảm hoặc bỏ việc kiểm tra trực tiếp của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện TTHC.</p> <p>Bãi bỏ các quy định này hoặc sửa đổi, thay thế bằng các hình thức khác, Ví dụ: Bộ quy định phải có mặt để kiểm tra, xác thực; thực hiện công nhận lẫn nhau để miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu...</p> <p>Xây dựng cơ chế hoạt động liên thông giữa các cơ quan nhà nước trong xử lý TTHC.</p>
	<p>Thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến</p>	<p>TTHC chưa kết nối cho phép cá nhân thực hiện thanh toán lệ phí bằng tài khoản ngân hàng của cá nhân (qua ATM, mạng E-</p>	<p>Xây dựng chức năng thanh toán điện tử, kênh thanh toán trực tuyến qua ngân hàng.</p> <p>Các cơ quan thực hiện TTHC triển khai</p>	

		banking,...)	DVC mức độ 4 thực hiện mở các tài khoản giao dịch tại ngân hàng. Tăng cường áp dụng hóa đơn điện tử.
	Trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến hoặc qua đường bưu chính	Kết quả giải quyết TTHC yêu cầu bắt buộc đối tượng thực hiện phải ký khi nhận kết quả. Ví dụ: Thủ tục đăng ký kết hôn trong nước Mã số B-BTP-244609-TT chưa đáp ứng yêu cầu triển khai dịch vụ công mức độ 4 vì khoản 3, điều 38 Luật Hộ tịch quy định khi đăng ký kết hôn cả 2 bên nam, nữ phải có mặt tại trụ sở UBND, công chức làm công tác hộ tịch hỏi ý kiến 2 bên nam, nữ, nếu các bên tự nguyện kết hôn thì ghi việc kết hôn vào sổ hộ tịch, cùng 2 bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn).	Sửa đổi hình thức thực hiện đối với trường hợp bắt buộc đối tượng thực hiện phải ký nhận trực tiếp kết quả giải quyết TTHC, ví dụ: bằng hình thức ký nhận bằng chữ ký số

* Ghi chú: Tiêu chí dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 bao gồm cả các tiêu chí đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2.